TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HSST
Ngày 26/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B T, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải

2. Bà Hà Thị Minh

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh T H.

-*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B T, tỉnh T H tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện B T, tỉnh T H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/HSST ngày 05 tháng 01 năm 2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 13/01/2022, đối với bị cáo:

Trương Văn C; Tên gọi khác Không; Sinh ngày: 08 tháng 6 năm 1997 tại: xã Á T, huyện B T, tỉnh T H; Nơi cư trú: Thôn M, xã Á T, huyện B T, tỉnh T H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; con ông: Trương Văn T - sinh năm 1973 và bà Trương Thị H - sinh năm 1976; vợ: Lê Thị H1 - sinh năm 1998; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2016; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án; Không; Tiền sự: Ngày 08/07/2021 bị Công an xã Á T, huyện B T xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự người khác.

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã số 02/CSĐT, ngày 18/11/2021, bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021 đến ngày 26/12/2021, bị tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B T, tỉnh T H. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bị hại:* Ông Trương Đức M, sinh năm: 1957 – Có mặt

Trú tại: Thôn M, xã Á T, huyện B T, tỉnh T H;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trịnh Văn Q, sinh năm: 1990 – Có mặt

Trú tại: Phố 2 L X, thị trấn C N, huyện B T, tỉnh T H

- *Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Thành L, sinh năm: 2000 - Vắng mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã Á T, huyện B T, tỉnh T H;

2. Anh Hà Văn T1, sinh năm: 2001- Có mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã Á T, huyện B T, tỉnh T H;

3. Anh Trương Văn T2, sinh năm: 1973 – Có mặt

Trú tại: Thôn M, xã Á T, huyện B T, tỉnh T H;

4. Chị Trương Thị H2, sinh ngày 22/09/2004 – Vắng mặt

Trú tại: Thôn K, xã Đ T, huyện B T, tỉnh T H;

Người giám hộ cho chị H: Ông Hà Văn T3-Bí thư đoàn xã Đ T, huyện B T, tỉnh T H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 04 tháng 8 năm 2021, Trương Văn C sinh năm 1997 thôn M, xã Á T, huyện B T, tỉnh T H đi bộ đến chòi ao cá nhà Trương Đức M sinh năm 1957 ở cùng thôn với mục đích hỏi mượn chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHASIRIUS, màu trắng-đen, BKS: 36G5-070.75 số khung: C640CY889200; số máy: 5C64889221 của ông Miên. Khi đến nơi Chung thấy ông Miên đang ăn cơm uống rượu cùng anh Trương Văn T2 sinh năm 1973 ở cùng thôn nên C nói với ông M "Bác cho cháu mượn xe máy của bác để đưa bạn về nhà" M đồng ý và hẹn với C " đi đến khoảng 16-17 giờ chiều cùng ngày đem xe về cho bác đi việc" đồng thời ông M đưa cho Chung 01 (một) chứng nhận đăng ký xe máy và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe máy. Mượn được xe máy, Chung điều khiển xe máy mang theo sổ hộ khẩu của gia đình chở Trương Thị H2 sinh năm 2004 ở thôn K, xã Đ T, huyện B T, tỉnh T H từ nhà C về nhà H2. Sau khi đưa H2 về nhà do thiếu tiền tiêu xài nên C nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy của ông M để lấy tiền tiêu xài, nhưng do không biết nơi cầm cố tài sản nên chung đến nhà và nhờ Hà Văn T1, sinh năm 2001 ở thôn Đ, xã Á T, huyện B T đi cầm cố chiếc xe máy, khi gặp T1, C nói "Em xem có chỗ nào cắm hộ chiếc xe máy cho anh với", T1 đồng ý rồi cùng C mang xe máy đến nhà Trịnh Văn Q, sinh năm 1996 ở khu phố 2 L X, thị trấn C N, huyện B T để cầm cố, khi đến nơi T1 mang xe máy vào cầm cố còn C đứng ngoài đợi nhưng do T1 không có căn cước công dân nên Q không đồng ý cho cầm cố xe máy. Sau đó T1 và C về nhà Tài ăn cơm, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, C về nhà lấy căn cước công dân của bố mang tên Trương Văn T rồi quay lại rủ T1 cùng đi đến nhà Q để cầm cố xe máy, khi đến nhà Q, C đưa ra 01 (một) chứng nhận đăng ký xe máy, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe máy đều mang tên Trương Đức M cùng với 01 (một) sổ hộ khẩu của gia đình C và 01 (một) căn cước công dân của bố C mang tên Trương Văn T để cầm cố xe máy, nhưng do T1 và C không có căn cước công dân nên Q không đồng ý cho cầm cố xe máy. Sau đó C và T1 về nhà, trên đường về nhà C nói với T1 "Em xem có ai cầm cố được chiếc xe không thì cầm cố giúp anh với"

T1 nói lại "Để em chạy về nhờ thằng L", sau đó C xuống xe đợi ở cầu Hón La thuộc thôn G, xã Á T, huyện B T còn T1 điều khiển chiếc xe máy đến nhà Vũ Thành L, sinh năm 2000 ở thôn Đ, xã Á T, huyện B T và nhờ L cùng đi cầm cố chiếc xe máy giúp C và được L đồng ý, sau đó T1 và L đi đến cầu Hón La gặp C thì C nói với L, "Cắm hộ anh chiếc xe máy của bố anh giúp anh với, xe này là của bố anh đã đồng ý cho cắm rồi". Do anh không có căn cước công dân nên không cắm được "L đồng ý, rồi C đưa 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chiếc xe, 01 (một) cuốn sổ hộ khẩu của nhà C và 01 (một) căn cước công dân của bố C cho T1 cầm. Sau đó L điều khiển chiếc xe máy của L, còn T1 điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng - đen, BKS: 36G5-070.75 cùng đi đến gặp Trịnh Văn Q để thỏa thuận cầm cố xe máy. L đưa cho Q căn cước công dân của L còn T1 đưa cho Q sổ hộ khẩu nhà C, căn cước công dân của bố C và bảo hiểm của chiếc xe máy thì Q đồng ý cho L và T1 cầm cố chiếc xe máy với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tài cầm tiền và cùng L quay lại cầu Hón La gặp C và đưa toàn bộ số tiền cầm cố xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng - đen, BKS: 36G5-070.75 cho C rồi cả ba cùng đi về nhà L chơi. Sau đó C quay lại nhà Q đưa giấy chứng nhận đăng ký xe máy và lấy thêm 100.000đ (một trăm ngàn đồng) tiền cầm cố xe máy. Tổng số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm ngàn đồng) có được từ việc cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng - đen, BKS: 36G5-070.75 C đã tiêu sài cá nhân hết.

Theo báo cáo của người bị hại: Ông Trương Đức M, khoảng 10 giờ ngày 04 tháng 8 năm 2021, Trương Văn C đến chòi ao cá nhà ông hỏi mượn chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHASIRIUS, màu trắng-đen, BKS: 36G5-070.75 số khung: C640CY889200; số máy: 5C64889221 sau đó có hành vi đen đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, Trị giá chiếc xe máy là 5.734.000đ (Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Ngày 05/8/2021 Trịnh Văn Q sinh năm 1990 ở khu phố 2 L X, thị trấn C N, huyện B T tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra Công an huyện B T 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 3675-070.75, màu sơn trắng - đen; số khung: C640CY889200; số máy 5C64889221, đăng ký lần đầu ngày 19/10/2012, đã qua sử dụng.

Tại Biên bản kết luận định giá ngày 17/8/2021, Hội đồng định giá tài sản huyện B T kết luận: Tại thời điểm ngày 04/8/2021 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 36G5-070.75, màu sơn trắng - đen; số khung: C640CY889200; số máy 5C64889221, đăng ký lần đầu ngày 19/10/2012, đã qua sử dụng có giá trị là 5.734.000đ (Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ gồm có:

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 36G5-070.75, màu sơn trắng - đen; số khung: C640CY889200; số máy 5C64889221, đăng ký lần đầu ngày 19/10/2012, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003030 do Công an huyện B T cấp ngày 19/10/2012 và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô - xe máy số AA23/0686880 do Tổng công ty cổ phần bảo hiểm

hàng không cấp ngày 09/3/2021 cùng mang tên Trương Đức M. Cơ quan CSĐT Công an huyện B T đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trương Đức M theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 15/CSĐT ngày 08/9/2021.

- 01 (một) số hộ khẩu số 570930941 chủ hộ Trương Văn T; 01 (một) căn cước công dân số 038073013475 do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 22/4/2021 mang tên Trương Văn T. Cơ quan CSĐT Công an huyện B T đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trương Văn T theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 15/CSĐT ngày 08/9/2021.

- 01 (một) căn cước công dân số 038200005438 do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021 mang tên Vũ Thành L sinh năm 2000 ở thôn Đ, xã Á T, huyện B T. Cơ quan CSĐT Công an huyện B T đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 15/CSĐT ngày 08/9/2021.

Về dân sự: Ông Trương Đức M người bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trịnh Anh Q đề nghị bị cáo bồi thường số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo theo bản Cáo trạng nêu là đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật. Bị cáo sau khi bị bắt tạm giam chưa bồi thường số tiền cho anh Q, nay tại phiên tòa bị cáo vay tiền của gia đình bồi thường số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa người bị hại: Thừa nhận nội dung bản cáo trạng và lời khai của bị cáo tại phiên tòa là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do gia đình ông và gia đình bị cáo có quan hệ anh em nên mới cho C mượn xe máy. Nay tài sản đã nhân lại, không đề nghị gì thêm. Về hình phạt đề nghị xét xử bị cáo một mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo sớm trở về đoàn tụ gia đình trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trịnh Anh Q lúc đầu C và Tài đến nhưng không có giấy Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu nên anh không cho cầm cố, sau đó đủ giấy tờ anh mới cho cầm cố chiếc xe máy máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 36G5-070.75 của ông Trương Đức M lấy số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng). Nay tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường đủ số tiền này cho anh.

Người làm chứng: Anh T1 trình bày do anh và bị cáo có quen biết nhau nên khi bị cáo C nhờ đi tìm chỗ cầm cố chiếc xe máy của bố anh đồng ý, sau đó nhờ L đến nhà anh Q cầm cố chiếc xe lấy 3.000.000đ đưa cho C, sau đó C lấy thêm 100.000đ, anh và L không biết xe máy do C phạm tội mà có, số tiền sau khi đưa cho C chi tiêu thế nào anh và L không biết.

Người làm chứng vắng mặt, có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B T giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 175, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 và điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Văn

C từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/12/2021. Đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với vị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tại phiên tòa đã bồi thường cho anh Trịnh Anh Q số tiền 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại. Vì vậy, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tó tụng đã thực hiện đầy đủ và hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt 02 người làm chứng: Xét thấy trong quá trình điều tra người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, xét thấy cần thiết làm rõ hành vi của bị cáo sẽ được công bố lời khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt.

[3]. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trương Văn C đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 04/8/2021 Trương Văn C lợi dụng mối quan hệ hàng xóm, quen biết với bị hại đã mượn xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 36G5-070.75 của ông Trương Đức M sau đó không trả lại mà mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.734.000 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Vì vậy VKSND huyện B T truy tố bị cáo Trương Văn C tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, tuy nhiên quá trình điều tra bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B T, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi hành vi "có cử chỉ lời nói thô bạo, xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác", bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ là "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" "Thành khẩn khai báo" và tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo

có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo sớm trở về đoàn tụ gia đình trở thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[5]. Về hình phạt tiền bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định. Bị cáo không có tài sản gì đáng kể, có 01 con đang còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Trịnh Anh Q số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng). Bị hại ông Trương Đức M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về dân sự. Xét việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp, đúng với quy định.

[7]. Về vật chứng vụ án: Tại Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở là phù hợp pháp luật.

[8]. Trong vụ án này đối với hành vi Hà Văn T1 và Vũ Thành L có hành vi mang chiếc xe máy BKS 36G5-070.75 mà bị cáo mượn của ông Trương Đức M đi để cầm cố hộ cho C. Quá trình điều tra xác định T1 và L không biết xe máy do C phạm tội mà có, số tiền cầm cố xe máy T1 và L đã đưa lại toàn bộ cho C và không được hưởng lợi gì, vì vậy không có đủ căn cứ để xử lý đối với T1 và L.

Đối với Trịnh Văn Q có hành vi nhận cầm cố chiếc xe máy BKS 36G5-070.75. Q không hứa hẹn trước và không biết chiếc xe đó do C phạm tội mà có, vì vậy hành vi của Q không cấu thành tội phạm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 điều 175, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự; Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 6, các điểm a, c khoản 1 điều 23, khoản 4 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn C phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt: Trương Văn C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/12/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo C bồi thường cho anh Trịnh Anh Q số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng) tại phiên tòa.

- Án phí: Bị cáo C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí DSST.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND H. B T;
- Tòa án tỉnh T H;
- VKSND tỉnh T H (P7);
- Bị cáo: C;
- Người bị hại;
- Người có QLNV liên quan;
- Công an H. B T;
- Chi cục THAH. B T;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Hải **Vũ Văn Nga**

Hà Thị Minh

Nơi nhận:
- VKSND H. B T;
- Tòa án tỉnh T H;
- VKSND tỉnh T H (P7);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNV liên quan;
- Công an H. B T;
- Chi cục THAH. B T;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Minh **Lương Thanh Hải** **Vũ Văn Nga**